

Số: 050/2020/QĐ-THUV

Hưng Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy  
áp dụng từ khóa 05 (Tuyển sinh năm 2020)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Ban Đào tạo) Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này 04 (Bốn) chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 05 tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam:

*(có chương trình đào tạo chi tiết đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa, Trưởng các bộ môn, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu Phòng QLĐT.



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 050/2020/QĐ-THUV ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

### **I. Chương trình đào tạo**

Chương trình:	Cử nhân Điều dưỡng	
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Ngành đào tạo:	Điều dưỡng	Mã ngành: 7720301
Loại hình:	Chính quy	

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tính quốc tế với mục đích hỗ trợ, tăng cường tính tự lập, cộng sinh của con người dựa trên Sứ mệnh sáng lập của Trường và thực tiễn nhu cầu của nền y học hiện đại. Trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thực tiễn ngành nghề cho sinh viên.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

- Sinh viên ra trường có hiểu biết một cách đa diện và tổng hợp về con người, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa con người.
- Dựa trên cơ sở khoa học, sinh viên học được các kiến thức, kỹ thuật có chuyên môn cao đáp ứng được sự biến đổi của bệnh tật và nhu cầu mang tính xã hội, tính quốc tế đối với tính an toàn và chất lượng y tế cũng như có khả năng thực hiện nghiệp vụ điều dưỡng có chất lượng cao và an toàn.
- Dựa trên chế độ xã hội, sinh viên ra trường có năng lực kết nối, phối hợp với các lĩnh vực chuyên môn khác như chăm sóc sức khỏe – y tế - phúc lợi xã hội có liên quan đến chăm sóc sức khỏe khu vực và điều trị tại nhà.
- Sinh viên ra trường trở thành nguồn nhân lực luôn tôn trọng văn hóa xã hội – giá trị quan của con người; có khả năng hỗ trợ việc duy trì và nâng cao sức khỏe; phòng tránh bệnh tật.
- Cùng với việc nâng cao chất lượng của ngành điều dưỡng, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi để phù hợp với sự phát triển của xã hội toàn cầu.

2. **Thời gian đào tạo:** 4 năm (thời gian học tập tối đa không quá 8 năm)
3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 156 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh – quốc phòng)

Khối lượng học tập	Khối lượng (Tín chỉ)
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>51</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên môn</b>	<b>102</b>
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	29
2.2. Kiến thức chuyên ngành	73
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153</b>

4. **Đối tượng tuyển sinh:** Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển sinh vào học tại Trường.

- Đã tốt nghiệp THPT
- Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm
- Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT

5. **Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:**

#### 5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra..

#### 5.2 Điều kiện xét tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. **Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ.

7. **Nội dung chương trình đào tạo**

**7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Tiếng Nhật I	3	1	2
4	Tiếng Nhật II	4	1	3
5	Tin học	2	1	1
6	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
7	Tiếng Nhật III	3	2	1
8	Tiếng Nhật IV	4	2	2
9	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
12	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
13	Tiếng Anh II	2	1	1
14	Tiếng Anh A	1	1	0
15	Tiếng Nhật V	2	0	2
16	Tiếng Nhật VI	2	0	2
17	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
18	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
19	Tiếng Anh III	2	2	0
20	Tiếng Anh B	1	1	0
21	Giáo dục thể chất I	2	1	1
22	Tiếng Nhật VII	3	0	3
23	Giáo dục thể chất II	1	0	1
24	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
25	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
	<b>Tổng</b> (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>18</b>

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên môn**

**7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Bệnh lý học	2	2	0
2	Vi sinh vật	2	2	0
3	Tâm lý học lâm sàng	1	1	0
4	Dược lý học	2	2	0
5	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
6	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
7	Dinh dưỡng học lâm sàng	2	2	0
8	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
9	Y tế công cộng	2	2	0
10	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
11	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
12	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
13	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
14	Hình thái học chức năng I	2	2	0
15	Hình thái học chức năng II	2	2	0
16	Sinh hóa	2	2	0
	<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	<b>0</b>

### 7.2.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
17	<b>Điều dưỡng cơ bản II</b>			
	Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	3.0	2	1
	Thực tập điều dưỡng cơ bản I: Hỗ trợ sinh hoạt	1.0	0	1
18	<b>Điều dưỡng cơ bản III</b>			
	Lý luận chăm sóc – điều trị	2.0	0	2
	Quản lý điều dưỡng	1.0	1	0
19	An toàn y tế	1.0	1	0
20	<b>Điều dưỡng cơ bản IV</b>			
	Quy trình điều dưỡng	1.0	0	1
	Thực tập điều dưỡng cơ bản II: Quy trình điều dưỡng	2.0	0	2
21	<b>Điều dưỡng lão khoa I</b>		0	0
	Tổng quan điều dưỡng lão khoa	1.0	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng lão khoa	3.0	2	1
22	<b>Điều dưỡng lão khoa II</b>			
	Thực tập điều dưỡng lão khoa I: Hỗ trợ sinh hoạt	2.0	0	2
	Thực tập điều dưỡng lão khoa II: Với bệnh nhân có vấn đề về sức khỏe	2.0	0	2
23	<b>Điều dưỡng nhi khoa I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng nhi khoa	1.0	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng nhi khoa	3.0	2	1
24	<b>Điều dưỡng nhi khoa II (Thực tập điều dưỡng)</b>	<b>2.0</b>	0	2
25	<b>Điều dưỡng tâm thần I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng tâm thần	1.0	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng tâm thần	3.0	2	1
26	<b>Điều dưỡng tâm thần II (Thực tập Điều dưỡng tâm thần)</b>	<b>2.0</b>	0	2
27	<b>Điều dưỡng tại nhà I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng tại cộng đồng/nhà	1.0	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng tại cộng đồng/nhà	3.0	2	1

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
28	<b>Điều dưỡng tại nhà II</b> (Thực tập điều dưỡng tại cộng đồng/nhà)	2.0	0	2
29	<b>Điều dưỡng công cộng</b>			
	Tổng quan điều dưỡng y tế công cộng	2.0	2	0
	Hoạt động điều dưỡng y tế công cộng	2.0	2	0
30	<b>Điều dưỡng quốc tế</b>		0	0
	Y tế/ điều dưỡng quốc tế	1.0	1	0
	Điều dưỡng thảm họa	1.0	1	0
31	<b>Điều dưỡng sản khoa I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng sản khoa	1.0	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng sản khoa	3.0	2	1
32	<b>Điều dưỡng sản khoa II</b> (Thực tập điều dưỡng sản khoa)	2.0	0	2
33	Thực tập tổng hợp	4.0	0	4
34	Nghiên cứu điều dưỡng	3.0	2	1
35	Điều dưỡng người lớn I (Tổng quan điều dưỡng người lớn)	1.0	1	0
36	<b>Điều dưỡng người lớn II</b>			
37	Chăm sóc người bệnh mãn tính	2.0	1	1
38	Chăm sóc người bệnh giai đoạn cấp tính và hồi phục	2.0	1	1
39	Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối	1.0	1	0
40	<b>Điều dưỡng người lớn III</b> (Thực tập điều dưỡng người lớn I: Giai đoạn mãn tính)	3.0	0	3
41	<b>Điều dưỡng người lớn IV</b> (Thực tập điều dưỡng người lớn II: Giai đoạn cấp tính)	3.0	0	3
42	<b>Điều dưỡng cơ bản I</b>			
43	Nguyên lý điều dưỡng	2.0	2	0
44	Đánh giá tình trạng sức khỏe	3.0	1	2
<b>Tổng</b>		<b>73</b>	<b>34</b>	<b>39</b>

## 8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

### HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Tiếng Nhật I	3	1	2
4	Tiếng Nhật II	4	1	3
5	Hình thái học chức năng I	2	2	0
6	Hình thái học chức năng II	2	2	0
7	Sinh hóa	2	2	0
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ nhất</b> (Chưa kể học phần <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> )		<b>17</b>	<b>11</b>	<b>6</b>

**HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ NHẤT)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tin học	2	1	1
2	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
3	Tiếng Nhật III	3	2	1
4	Tiếng Nhật IV	4	2	2
5	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
8	Bệnh lý học	2	2	0
9	Vi sinh vật	2	2	0
10	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0
11	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
12	<b>Điều dưỡng cơ bản I</b>			
	Nguyên lý điều dưỡng	2	2	0
	Đánh giá tình trạng sức khỏe	3	1	2
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ nhất</b>		<b>32</b>	<b>26</b>	<b>6</b>

**HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
2	Tiếng Anh II	2	1	1
3	Tiếng Anh A	1	1	0
4	Tiếng Nhật V	2	0	2
5	Tiếng Nhật VI	2	0	2
6	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
7	Dược lý học	2	2	0
8	Dinh dưỡng học lâm sàng	2	2	0
9	<b>Điều dưỡng cơ bản II</b>			
	Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	3	2	1
	Thực tập điều dưỡng cơ bản I: Hỗ trợ sinh hoạt	1	0	1
10	<b>Điều dưỡng cơ bản III</b>			
	Lý luận chăm sóc – điều trị	2	0	2
	Quản lý điều dưỡng	1	1	0
11	An toàn y tế	1	1	0
12	<b>Điều dưỡng cơ bản IV</b>			
	Quy trình điều dưỡng	1	0	1
	Thực tập điều dưỡng cơ bản II: Quy trình điều dưỡng	2	0	2
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ hai</b>		<b>26</b>	<b>14</b>	<b>12</b>

**HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Tiếng Anh III	2	2	0
3	Tiếng Anh B	1	1	0
4	<i>Giáo dục thể chất I</i>	2	1	1
5	Tiếng Nhật VII	3	0	3
6	Tâm lý học lâm sàng	1	1	0
7	<b>Điều dưỡng lão khoa I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng lão khoa	1	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng lão khoa	3	2	1
8	<b>Điều dưỡng tâm thần I</b>		0	0
	Tổng quan điều dưỡng tâm thần	1	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng tâm thần	3	2	1
9	<b>Điều dưỡng tâm thần II</b> (Thực tập Điều dưỡng tâm thần)	2	0	2
10	Điều dưỡng người lớn I (Tổng quan điều dưỡng người lớn)	1	1	0
11	<b>Điều dưỡng người lớn II</b>			
	Chăm sóc người bệnh mãn tính	2	1	1
	Chăm sóc người bệnh giai đoạn cấp tính và hồi phục	2	1	1
12	Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối	1	1	0
13	Điều dưỡng tâm thần I	4	3	1
14	Điều dưỡng tâm thần II	2	0	2
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ hai</b> (Chưa kể học phần <i>Giáo dục thể chất</i> )	<b>25</b>	<b>16</b>	<b>9</b>

**HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục thể chất II</i>	1	0	1
2	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
3	Nghiên cứu điều dưỡng	3	2	1
4	<b>Điều dưỡng người lớn III</b> (Thực tập điều dưỡng người lớn I : Giai đoạn mãn tính)	3	0	3
5	<b>Điều dưỡng người lớn IV</b> (Thực tập điều dưỡng người lớn II : Giai đoạn cấp tính)	3	0	3
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ ba</b> (Chưa kể học phần <i>Giáo dục thể chất</i> )	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>7</b>

**HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
2	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
3	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc	1	1	0



	lợi xã hội			
4	<b>Điều dưỡng lão khoa II</b>			
	Thực tập điều dưỡng lão khoa I: Hỗ trợ sinh hoạt	2	0	2
	Thực tập điều dưỡng lão khoa II: Với bệnh nhân có vấn đề về sức khỏe	2	0	2
5	<b>Điều dưỡng nhi khoa I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng nhi khoa	1	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng nhi khoa	3	2	1
6	<b>Điều dưỡng nhi khoa II (Thực tập điều dưỡng)</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ ba</b>	<b>16</b>	<b>9</b>	<b>7</b>

### HỌC KỲ 7 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ TƯ)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
2	<b>Điều dưỡng tại nhà I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng tại cộng đồng/nhà	1	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng tại cộng đồng/nhà	3	2	1
3	<b>Điều dưỡng tại nhà II (Thực tập điều dưỡng tại cộng đồng/nhà)</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
4	<b>Điều dưỡng công cộng</b>			
	Tổng quan điều dưỡng y tế công cộng	2	2	0
	Hoạt động điều dưỡng y tế công cộng	2	2	0
5	<b>Điều dưỡng sản khoa I</b>			
	Tổng quan điều dưỡng sản khoa	1	1	0
	Lý thuyết điều dưỡng sản khoa	3	2	1
6	<b>Điều dưỡng sản khoa II (Thực tập điều dưỡng sản khoa)</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ tư</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>

### HỌC KỲ 8 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ TƯ)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>		0	0
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
2	<b>Điều dưỡng quốc tế</b>		0	0
	Y tế/ điều dưỡng quốc tế	1	1	0
	Điều dưỡng thảm họa	1	1	0
3	Thực tập tổng hợp	4	0	4
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ tư</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

#### 9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

### **9.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dung dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **9.3. Kiểm tra, đánh giá**

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

### **9.4. Đối với sinh viên**

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

### **9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 71.100.000 VNĐ/năm**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 050/2020/QĐ-THUV ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

### **I. Chương trình đào tạo**

Chương trình: Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Mã ngành: 7720603

Loại hình: Chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tính quốc tế với mục đích hỗ trợ, tăng cường tính tự lập, cộng sinh của con người dựa trên Sứ mệnh sáng lập của Trường và thực tiễn nhu cầu của nền y học hiện đại. Trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thực tiễn ngành nghề cho sinh viên.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

- Sinh viên ra trường có hiểu biết một cách đa diện và tổng hợp về con người, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa con người.
- Dựa trên cơ sở khoa học, sinh viên học được các kiến thức, kỹ thuật có chuyên môn cao đáp ứng được sự biến đổi của bệnh tật và nhu cầu mang tính xã hội, tính quốc tế đối với tính an toàn và chất lượng y tế cũng như có khả năng thực hiện nghiệp vụ vật lý trị liệu có chất lượng cao và an toàn.
- Dựa trên chế độ xã hội, sinh viên ra trường có năng lực kết nối, phối hợp với các lĩnh vực chuyên môn khác như chăm sóc sức khỏe - y tế - phúc lợi xã hội có liên quan đến chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng như điều trị tại nhà.
- Sinh viên ra trường trở thành nhân lực luôn tôn trọng văn hóa xã hội – giá trị quan của con người; có khả năng hỗ trợ việc duy trì và nâng cao sức khỏe; phòng tránh bệnh tật.
- Cùng với việc nâng cao chất lượng của ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi để phù hợp với sự phát triển của xã hội toàn cầu.

2. **Thời gian đào tạo:** 4 năm (thời gian học tập tối đa không quá 8 năm)
3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 149 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh – quốc phòng)

<b>Khối lượng học tập</b>	<b>Khối lượng (Tín chỉ)</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>51</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên môn</b>	<b>98</b>
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	34
2.2. Kiến thức chuyên ngành	64
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>149</b>

4. **Đối tượng tuyển sinh:** Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển vào học tại Trường.
  - a. Đã tốt nghiệp THPT
  - b. Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm
  - c. Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT
5. **Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:**

#### **5.1 Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra..

#### **5.2 Điều kiện xét tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- a. Tích lũy đủ số tín chỉ cho chương trình đào tạo.
- b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- c. Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- d. Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.
- e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- f. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. **Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ.

7. **Nội dung chương trình đào tạo**

**7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8.0	7	1
2	Tiếng Anh I	4.0	3	1
3	Tiếng Nhật I	3.0	1	2
4	Tiếng Nhật II	4.0	1	3
5	Tin học	2.0	1	1
6	Kỹ năng giao tiếp	1.0	1	0
7	Tiếng Nhật III	3.0	2	1
8	Tiếng Nhật IV	4.0	2	2
9	Triết học Mác - Lênin	3.0	3	0
10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.0	2	0
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2	0
12	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1.0	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1.0	1	0
13	Tiếng Anh II	2.0	1	1
14	Tiếng Anh A	1.0	1	0
15	Tiếng Nhật V	2.0	0	2
16	Tiếng Nhật VI	2.0	0	2
17	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2.0	2	0
18	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2	0
19	Tiếng Anh III	2.0	2	0
20	Tiếng Anh B	1.0	1	0
21	<i>Giáo dục thể chất I</i>	2.0	1	1
22	Tiếng Nhật VII	3.0	0	3
23	<i>Giáo dục thể chất II</i>	1.0	0	1
24	Khái quát khoa học sự sống	2.0	2	0
25	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1.0	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1.0	1	0
<b>Tổng</b> (Chưa kể các học phần <i>Giáo dục thể chất</i> và <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> )		<b>51</b>	<b>33</b>	<b>18</b>

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên môn**

**7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Giải phẫu học</b>		0	
	Giải phẫu học	2.0	2	
	Thực tập giải phẫu học	2.0	0	
2	<b>Sinh lý học</b>			
	Sinh lý học	2.0	2	
	Thực tập sinh lý học	1.0	0	
3	Bệnh lý học	2.0	2	

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
4	Giải phẫu chức năng	2.0	2	
5	<b>Vận động học</b>			
	Vận động học	2.0	2	
	Thực hành vận động học	1.0	0	
6	Sự phát triển con người	1.0	1	
7	Dược lý học	2.0	2	
8	Dinh dưỡng học lâm sàng	2.0	2	
9	Nội khoa thần kinh	1.0	1	
10	Tâm lý học lâm sàng	1.0	1	
11	Vật lý trị liệu nội khoa	1.0	1	
12	Vật lý trị liệu nội khoa thần kinh	1.0	1	
13	Lão khoa y học	1.0	1	
14	Đại cương vật lý trị liệu nhi khoa	1.0	1	
15	<b>Đại cương y học lâm sàng</b>			
	Những kiến thức chung về y học lâm sàng	1.0	1	
	Ngoại khoa chỉnh hình	2.0	2	
	Phòng ngừa lây nhiễm • phương pháp khử khuẩn	1.0	1	
16	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2.0	2	
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2.0	2	
17	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1.0	1	
	<b>Tổng</b>	<b>34</b>	<b>30</b>	<b>4</b>

### 7.2.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Thực tập tham quan học tập vật lý trị liệu	1.0	0	1
2	<b>Vật lý trị liệu cơ bản</b>			
	Khái quát về vật lý trị liệu	2.0	2	0
	Vật lý trị liệu cơ sở	2.0	2	0
3	<b>Đánh giá vật lý trị liệu</b>		0	0
	Giải phẫu bề mặt và phương pháp sờ khám	1.0	0	1
	Đánh giá vật lý trị liệu	2.0	2	0
	Thực hành đánh giá Vật lý trị liệu I	1.0	0	1
	Thực hành đánh giá Vật lý trị liệu II	1.0	0	1
4	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	2.0	2	0
5	<b>Điều trị vật lý trị liệu I</b>			
	Liệu pháp vận động	2.0	2	0
	Thực hành liệu pháp vận động	1.0	0	1
	Liệu pháp vật lý	2.0	2	0
	Thực hành liệu pháp vật lý	1.0	0	1
	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu I	3.0	0	3
6	<b>Hoạt động sinh hoạt hàng ngày</b>			
	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày	2.0	2	0
	Môi trường sinh hoạt	2.0	2	0
7	Vật lý trị liệu tại cộng đồng	2.0	2	0
8	<b>Vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp</b>			
	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	3.0	0	3
	Thực hành vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	1.0	0	1

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
9	<b>Vật lý trị liệu hệ thần kinh</b>		0	0
	Vật lý trị liệu hệ thần kinh	2.0	2	0
	Thực hành vật lý trị liệu hệ thần kinh	1.0	0	1
10	Lý thuyết hướng dẫn vật lý trị liệu	2.0	2	0
11	Vật lý trị liệu nhi khoa	2.0	2	0
12	<b>Điều trị vật lý trị liệu III</b>			
	Vật lý trị liệu giai đoạn cấp tính	2.0	2	0
	Vật lý trị liệu tổn thương cơ quan nội tạng	2.0	2	0
13	<b>Điều trị vật lý trị liệu II</b>			
	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	2.0	2	0
	Thực hành dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	1.0	0	1
14	Quản lý vật lý trị liệu	2.0	2	0
15	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu II	3.0	0	3
16	Thực tập lâm sàng tổng hợp I	7.0	0	7
17	Thực tập lâm sàng tổng hợp II	7.0	0	7
	<b>Tổng</b>	<b>64</b>	<b>32</b>	<b>32</b>

## 8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

### HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Tiếng Nhật I	3	1	2
4	Tiếng Nhật II	4	1	3
5	<b>Giải phẫu học</b>		0	0
	Giải phẫu học	2	2	0
	Thực tập giải phẫu học	2	0	2
6	<b>Sinh lý học</b>			
	Sinh lý học	2	2	0
	Thực tập sinh lý học	1	0	1
	<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ nhất</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh)</i>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>9</b>

### HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tin học	2	1	1
2	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
3	Tiếng Nhật III	3	2	1
4	Tiếng Nhật IV	4	2	2
5	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
8	Bệnh lý học	2	2	0
9	Giải phẫu chức năng	2	2	0
10	<b>Vận động học</b>		0	0
	Vận động học	2	2	0
	Thực hành vận động học	1	0	1
11	Thực tập tham quan học tập vật lý trị liệu	1	0	1



TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
12	<b>Vật lý trị liệu cơ bản</b>		0	0
	Khái quát về vật lý trị liệu	2	2	0
	Vật lý trị liệu cơ sở	2	2	0
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ nhất</b>		<b>29</b>	<b>23</b>	<b>6</b>

### HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ HAI)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
2	Tiếng Anh II	2	1	1
3	Tiếng Anh A	1	1	0
4	Tiếng Nhật V	2	0	2
5	Tiếng Nhật VI	2	0	2
6	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
7	Sự phát triển con người	1	1	0
8	Dược lý học	2	2	0
9	Dinh dưỡng học lâm sàng	2	2	0
10	<b>Đánh giá vật lý trị liệu</b>			
	Giải phẫu bề mặt và phương pháp sờ khám	1	0	1
	Đánh giá vật lý trị liệu	2	2	0
	Thực hành đánh giá Vật lý trị liệu I	1	0	1
	Thực hành đánh giá Vật lý trị liệu II	1	0	1
11	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ hai</b>		<b>23</b>	<b>15</b>	<b>8</b>

### HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ HAI)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Tiếng Anh III	2	2	0
3	Tiếng Anh B	1	1	0
4	<i>Giáo dục thể chất I</i>	2	1	1
5	Tiếng Nhật VII	3	0	3
6	Nội khoa thần kinh	1	1	0
7	Tâm lý học lâm sàng	1	1	0
8	Vật lý trị liệu nội khoa	1	1	0
9	Vật lý trị liệu nội khoa thần kinh	1	1	0
10	Lão khoa y học	1	1	0
11	Đại cương vật lý trị liệu nhi khoa	1	1	0
12	<b>Điều trị vật lý trị liệu I</b>			
	Liệu pháp vận động	2	2	0
	Thực hành liệu pháp vận động	1	0	1
	Liệu pháp vật lý	2	2	0
	Thực hành liệu pháp vật lý	1	0	1
	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu I	3	0	3
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ hai</b> (Chưa kể học phần <i>Giáo dục thể chất</i> )		<b>23</b>	<b>15</b>	<b>8</b>

**HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục thể chất II</i>	1	0	1
2	<b>Đại cương y học lâm sàng</b>		0	0
	Những kiến thức chung về y học lâm sàng	1	1	0
	Ngoại khoa chỉnh hình	2	2	0
	Phòng ngừa lây nhiễm • phương pháp khử khuẩn	1	1	0
3	<b>Hoạt động sinh hoạt hàng ngày</b>		0	0
	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày	2	2	0
	Môi trường sinh hoạt	2	2	0
4	Vật lý trị liệu tại cộng đồng	2	2	0
5	<b>Vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp</b>		0	0
	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	3	0	3
	Thực hành vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	1	0	1
6	<b>Vật lý trị liệu hệ thần kinh</b>			
	Vật lý trị liệu hệ thần kinh	2	2	0
	Thực hành vật lý trị liệu hệ thần kinh	1	0	1
7	Lý thuyết hướng dẫn vật lý trị liệu	2	2	0
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ ba</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục thể chất)</i>		<b>19</b>	<b>14</b>	<b>5</b>

**HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
2	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
3	Vật lý trị liệu nhi khoa	2	2	0
4	<b>Điều trị vật lý trị liệu III</b>		0	0
	Vật lý trị liệu giai đoạn cấp tính	2	2	0
	Vật lý trị liệu tổn thương cơ quan nội tạng	2	2	0
5	<b>Điều trị vật lý trị liệu II</b>			
	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	2	2	0
	Thực hành dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	1	0	1
6	Quản lý vật lý trị liệu	2	2	0
7	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu II	3	0	3
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ ba</b>		<b>19</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

**HỌC KỲ 7 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ TƯ)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
2	Thực tập lâm sàng tổng hợp I	7	0	7
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ tư</b>		<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

## HỌC KỲ 8 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ TƯ)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
2	Thực tập lâm sàng tổng hợp II	7	0	7
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ tư</b>		<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

#### 9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

#### 9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dung dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

#### 9.3. Kiểm tra, đánh giá

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

#### 9.4. Đối với sinh viên

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

#### 9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 71.100.000VNĐ/năm.

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 050/2020/QĐ-THUV ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

### **I. Chương trình đào tạo**

Chương trình: Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Xét nghiệm y học

Mã ngành: 7720601

Loại hình: Chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tính quốc tế với mục đích tăng cường sự tự lập và sự cộng sinh của con người dựa trên Sứ mệnh thành lập của Trường và thực tiễn nhu cầu của nền y học hiện đại, trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thiện tiến ngành nghề cho sinh viên.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

- Sinh viên ra trường có hiểu biết một cách đa diện và tổng hợp về con người, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với mọi người.
- Có năng lực thực hiện các xét nghiệm chất lượng cao một cách an toàn, học tập được những kỹ thuật - kiến thức chuyên môn để có thể đáp ứng được nhu cầu mang tính xã hội và quốc tế về chất lượng và an toàn y tế cùng với sự biến đổi của cấu trúc bệnh tật trên cơ sở áp dụng các dẫn chứng, cơ sở khoa học.
- Có năng lực liên kết và hợp tác giữa các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn như chăm sóc sức khỏe - y tế - phúc lợi xã hội, những vấn đề có liên quan tới y tế cộng đồng hay chăm sóc sức khỏe tại nhà - cộng đồng dựa trên hệ thống chế độ xã hội.
- Có đầy đủ năng lực để hỗ trợ công tác phòng bệnh, duy trì và tăng cường sức khỏe cho mọi người trên cơ sở tôn trọng giá trị bản thân và đời sống văn hóa của họ.
- Cùng với việc nâng cao chất lượng của ngành kỹ thuật Xét nghiệm y học, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi để phù hợp với sự phát triển của xã hội toàn cầu.

2. **Thời gian đào tạo:** 4 năm (thời gian học tập tối đa không quá 8 năm)

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

<b>Khối lượng học tập</b>	<b>Khối lượng (Tín chỉ)</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>53</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên môn</b>	<b>97</b>
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	37
2.2. Kiến thức chuyên ngành	60
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150</b>

4. **Đối tượng tuyển sinh:** Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển vào học tại Trường.

- Đã tốt nghiệp THPT
- Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm
- Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT

5. **Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:**

#### 5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra.

#### 5.2 Điều kiện xét tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. **Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ.

7. **Nội dung chương trình đào tạo**

**7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	
2	Tiếng Anh I	4	3	
3	Sinh hóa	2	2	
4	Tiếng Nhật I	3	1	
5	Tiếng Nhật II	4	1	
6	Tin học	2	1	
7	Kỹ năng giao tiếp	1	1	
8	Tiếng Nhật III	3	2	
9	Tiếng Nhật IV	4	2	
10	Triết học Mác - Lênin	3	3	
11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
13	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	
14	Tiếng Anh II	2	1	
15	Tiếng Anh A	1	1	
16	Tiếng Nhật V	2	0	
17	Tiếng Nhật VI	2	0	
18	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
19	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
20	Tiếng Anh III	2	2	
21	Tiếng Anh B	1	1	
22	<i>Giáo dục thể chất I</i>	2	1	
23	Tiếng Nhật VII	3	0	
24	<i>Giáo dục thể chất II</i>	1	0	
25	Khái quát khoa học sự sống	2	2	
26	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	
	Luân lý sinh mệnh	1	1	
<b>Tổng</b> (Chưa kể các học phần <i>Giáo dục thể chất</i> và <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> )		<b>53</b>	<b>35</b>	<b>18</b>

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên môn**

**7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Giải phẫu học</b>			
	Giải phẫu học	2	2	0
	Thực tập giải phẫu học	2	0	2
2	<b>Sinh lý học</b>			
	Sinh lý học	2	2	0
	Thực tập sinh lý học	1	0	1

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
3	Bệnh lý học	2	2	0
4	Vi sinh vật	2	2	0
5	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0
6	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
7	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
8	<b>Kỹ thuật điện, điện tử y học</b>			
	Kỹ thuật điện, điện tử y học	2	2	0
	Thực hành kỹ thuật điện, điện tử y học	1	0	1
9	Giải phẫu chức năng	2	1	1
10	Dược lý học	2	2	0
11	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
12	Điều dưỡng học	1	1	0
13	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
14	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
15	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
16	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
	<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>32</b>	<b>5</b>

### 7.2.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tổng quan về máy xét nghiệm	1	1	0
2	<b>Bệnh lý học lâm sàng</b>			
	Tổng quan y học xét nghiệm cận lâm sàng	1	1	0
	Đại cương bệnh lý học lâm sàng	1	1	0
	Bệnh lý học lâm sàng I	2	1	1
	Bệnh lý học lâm sàng II	2	1	1
3	<b>Xét nghiệm bệnh lý học</b>			
	Xét nghiệm bệnh lý học	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm bệnh lý học	1	0	1
4	<b>Xét nghiệm cơ bản</b>			
	Xét nghiệm cơ bản	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm cơ bản I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm cơ bản II	2	0	2
5	<b>Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý</b>			
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	1	1	0
6	Tổng quan về quản lý y tế	1	1	0
7	<b>Mô bệnh học và tế bào học</b>			

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
	Mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	1	0
	Thực hành mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	0	1
8	<b>Hóa phân tích</b>			
	Hóa phân tích I	1	1	0
	Hóa phân tích II	1	1	0
9	Thực hành hóa phân tích	1	0	1
10	<b>Xét nghiệm vi sinh</b>			
	Xét nghiệm vi sinh	2	1	1
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng	3	1	2
11	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
12	<b>Xét nghiệm huyết học</b>			
	Xét nghiệm huyết học	2	2	0
	Thực hành Xét nghiệm huyết học	2	0	2
13	<b>Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý</b>			
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	2	0	2
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	3	0	3
14	Xét nghiệm ký sinh trùng	1	1	0
15	Thực hành xét nghiệm hóa phân tích lâm sàng	4	0	4
16	Thống kê y học	1	1	0
17	<b>Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu</b>			
	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	2	2	0
	Thực hành xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	3	0	3
18	Thực tập lâm sàng	7	0	7
19	Thực hành tổng hợp xét nghiệm lâm sàng	4	0	4
<b>Tổng</b>		<b>60</b>	<b>23</b>	<b>37</b>

## 8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

### HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Sinh hóa	2	2	0
4	Tiếng Nhật I	3	1	2
5	Tiếng Nhật II	4	1	3
6	<b>Giải phẫu học</b>			
	Giải phẫu học	2	2	0
	Thực tập giải phẫu học	2	0	2
7	<b>Sinh lý học</b>			
	Sinh lý học	2	2	0
	Thực tập sinh lý học	1	0	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ nhất</b> (Chưa kể học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh)		<b>20</b>	<b>11</b>	<b>9</b>



**HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ NHẤT)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tin học	2	1	1
2	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
3	Tiếng Nhật III	3	2	1
4	Tiếng Nhật IV	4	2	2
5	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
8	Bệnh lý học	2	2	0
9	Vi sinh vật	2	2	0
10	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0
11	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
12	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
13	<b>Kỹ thuật điện, điện tử y học</b>			
	Kỹ thuật điện, điện tử y học	2	2	0
	Thực hành kỹ thuật điện, điện tử y học	1	0	1
14	Giải phẫu chức năng	2	1	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ nhất</b>		<b>34</b>	<b>28</b>	<b>6</b>

**HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
2	Tiếng Anh II	2	1	1
3	Tiếng Anh A	1	1	0
4	Tiếng Nhật V	2	0	2
5	Tiếng Nhật VI	2	0	2
6	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
7	Dược lý học	2	2	0
8	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
9	Tổng quan về máy xét nghiệm	1	1	0
10	<b>Bệnh lý học lâm sàng</b>			
	Tổng quan y học xét nghiệm cận lâm sàng	1	1	0
	Đại cương bệnh lý học lâm sàng	1	1	0
	Bệnh lý học lâm sàng I	2	1	1
	Bệnh lý học lâm sàng II	2	1	1
11	<b>Xét nghiệm bệnh lý học</b>			
	Xét nghiệm bệnh lý học	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm bệnh lý học	1	0	1
12	<b>Xét nghiệm cơ bản</b>			
	Xét nghiệm cơ bản	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm cơ bản I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm cơ bản II	2	0	2
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ hai</b>		<b>28</b>	<b>17</b>	<b>11</b>

**HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Tiếng Anh III	2	2	0
3	Tiếng Anh B	1	1	0
4	Giáo dục thể chất I	2	1	1
5	Tiếng Nhật VII	3	0	3
6	Điều dưỡng học	1	1	0
7	<b>Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý</b>			
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	1	1	0
8	Tổng quan về quản lý y tế	1	1	0
9	<b>Mô bệnh học và tế bào học</b>			
	Mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	1	0
	Thực hành mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	0	1
10	<b>Hóa phân tích</b>			
	Hóa phân tích I	1	1	0
	Hóa phân tích II	1	1	0
	Thực hành hóa phân tích	1	0	1
11	<b>Xét nghiệm vi sinh</b>			
	Xét nghiệm vi sinh	2	1	1
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng	3	1	2
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ hai</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục thể chất)</i>		<b>23</b>	<b>15</b>	<b>8</b>

**HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Giáo dục thể chất II	1	0	1
2	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
3	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
4	<b>Xét nghiệm huyết học</b>			
	Xét nghiệm huyết học	2	2	0
	Thực hành Xét nghiệm huyết học	2	0	2
5	<b>Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý</b>			
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	2	0	2
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	3	0	3
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ ba</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục thể chất)</i>		<b>13</b>	<b>5</b>	<b>8</b>

**HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
2	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
3	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
4	Xét nghiệm ký sinh trùng	1	1	0
5	Thực hành xét nghiệm hóa phân tích lâm sàng	4	0	4
6	Thống kê y học	1	1	0
7	<b>Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu</b>			
	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	2	2	0
	Thực hành xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	3	0	3
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ ba</b>		<b>17</b>	<b>10</b>	<b>7</b>

**HỌC KỲ 7 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ TƯ)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
2	Thực tập lâm sàng	7	0	7
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ tư</b>		<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

**HỌC KỲ 8 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ TƯ)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
2	Thực hành tổng hợp xét nghiệm lâm sàng	4	0	4
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ tư</b>		<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4</b>

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

**9.1. Đối với các đơn vị đào tạo**

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

**9.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **9.3. Kiểm tra, đánh giá**

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

### **9.4. Đối với sinh viên**

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

### **9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 71.100.000 VNĐ/năm.**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 050/2020/QĐ-THUV ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

### **I. Chương trình đào tạo**

Chương trình:	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học	
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Mã ngành: 7720602
Loại hình:	Chính quy	

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tính quốc tế với mục đích hỗ trợ, tăng cường tính tự lập, cộng sinh của con người dựa trên Sứ mệnh sáng lập của Trường và thực tiễn nhu cầu của nền y học hiện đại. Trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thực tiễn ngành nghề cho sinh viên.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

- Sinh viên ra trường có hiểu biết một cách đa diện và tổng hợp về con người, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với mọi người.
- Có năng lực thực hiện các kỹ thuật hình ảnh y học chất lượng cao một cách an toàn, học tập được những kỹ thuật, kiến thức chuyên môn để có thể đáp ứng được nhu cầu mang tính xã hội và quốc tế về chất lượng và an toàn y tế cùng với sự biến đổi của cấu trúc bệnh tật trên cơ sở áp dụng các dẫn chứng, cơ sở khoa học.
- Có năng lực liên kết và hợp tác giữa các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn như chăm sóc sức khỏe - y tế - phúc lợi xã hội, những vấn đề có liên quan tới y tế cộng đồng hay chăm sóc sức khỏe tại nhà - cộng đồng dựa trên hệ thống chế độ xã hội.
- Có đầy đủ năng lực để hỗ trợ công tác phòng bệnh, duy trì và tăng cường sức khỏe cho mọi người trên cơ sở tôn trọng giá trị bản thân và đời sống văn hóa của họ.
- Cùng với việc nâng cao chất lượng của ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi để phù hợp với sự phát triển của xã hội toàn cầu.

2. **Thời gian đào tạo: 4 năm** (thời gian học tập tối đa không quá 8 năm)

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 147 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

<b>Khối lượng học tập</b>	<b>Khối lượng (Tín chỉ)</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>51</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên môn</b>	<b>96</b>
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	46
2.2. Kiến thức chuyên ngành	50
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147</b>

4. **Đối tượng tuyển sinh: Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển vào học tại Trường.**

- a. Đã tốt nghiệp THPT
- b. Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm
- c. Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT

5. **Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:**

#### **5.1 Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra.

#### **5.2 Điều kiện xét tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- a. Tích lũy đủ số tín chỉ cho chương trình đào tạo.
- b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- c. Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- d. Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.
- e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- f. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. **Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ.

7. **Nội dung chương trình đào tạo**

**7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Tiếng Nhật I	3	1	2
4	Tiếng Nhật II	4	1	3
5	Tin học	2	1	1
6	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
7	Tiếng Nhật III	3	2	1
8	Tiếng Nhật IV	4	2	2
9	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
12	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
13	Tiếng Anh II	2	1	1
14	Tiếng Anh A	1	1	0
15	Tiếng Nhật V	2	0	2
16	Tiếng Nhật VI	2	0	2
17	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
18	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
19	Tiếng Anh III	2	2	0
20	Tiếng Anh B	1	1	0
21	<i>Giáo dục thể chất I</i>	2	1	1
22	Tiếng Nhật VII	3	0	3
23	<i>Giáo dục thể chất II</i>	1	0	1
24	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
25	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
<b>Tổng</b>				
(Chưa kể các học phần <i>Giáo dục thể chất</i> và <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> )		<b>51</b>	<b>33</b>	<b>18</b>

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên môn**

**7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Giải phẫu học</b>			
	Giải phẫu học	2	2	0
	Thực tập giải phẫu học	2	0	2
2	<b>Sinh lý học</b>		0	0
	Sinh lý học	2	2	0
	Thực tập sinh lý học	1	0	1
3	<b>Bệnh lý học</b>		2	0
	Bệnh lý học	2	2	0



TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
4	Vi sinh vật	2	2	0
5	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0
6	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
7	<b>Kỹ thuật điện, điện tử y học</b>			
	Kỹ thuật điện, điện tử y học	2	2	0
	Thí nghiệm kỹ thuật điện, điện tử y học	1	0	1
8	<b>Khoa học và kỹ thuật y học</b>			
	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
	Vật lý y tế	1	1	0
9	Toán học ứng dụng	1	1	0
10	Giải phẫu chức năng	2	1	1
11	<b>Đo lường bức xạ</b>		0	0
	Đo lường bức xạ I	1	1	0
	Đo lường bức xạ II	1	1	0
	Thí nghiệm đo lường bức xạ	1	0	1
12	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
13	<b>Khoa học và kỹ thuật bức xạ</b>			
	Vật lý bức xạ	2	2	0
	Hóa học bức xạ	1	1	0
	Sinh học bức xạ	1	1	0
14	Điều dưỡng học	1	1	0
15	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
16	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
17	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
18	<b>Thực hành khoa học bức xạ</b>		0	0
	Thực hành khoa học bức xạ I	1	0	1
	Thực hành khoa học bức xạ II	1	0	1
19	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
	<b>Tổng</b>	<b>46</b>	<b>38</b>	<b>8</b>

### 7.2.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
2	Thiết bị kỹ thuật trong chụp ảnh bức xạ	2	2	0
3	<b>Chẩn đoán hình ảnh bức xạ</b>			
	Chẩn đoán hình ảnh bức xạ	2	2	0
	Chẩn đoán hình ảnh cản quang bức xạ	2	2	0
	Chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp kỹ thuật số	2	2	0

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
4	Luật pháp và quy định liên quan	1	1	0
5	Quản lý an toàn bức xạ	1	1	0
6	Thực hành quản lý an toàn bức xạ	1	0	1
7	Thí nghiệm quản lý an toàn bức xạ	1	0	1
8	<b>Thí nghiệm kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh</b>		0	0
	Thí nghiệm kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	2	0	2
	Thực hành kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	3	0	3
9	<b>Kỹ thuật xét nghiệm trong y học hạt nhân</b>			
	Tổng quan Y học hạt nhân	1	1	0
	Kỹ thuật xét nghiệm y học hạt nhân	3	3	0
	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học hạt nhân	2	0	2
10	<b>Kỹ thuật xạ trị</b>			
	Khái quát xạ trị ung thư	1	1	0
	Kỹ thuật xạ trị	3	3	0
	Thực hành kỹ thuật xạ trị	2	0	2
11	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>			
	Chẩn đoán hình ảnh I	1	1	0
	Chẩn đoán hình ảnh II	1	1	0
12	<b>Thông tin hình ảnh y học</b>		0	0
	Đại cương thông tin hình ảnh y học	2	1	1
	Tạo hình ảnh y học	1	1	0
	Phân tích hình ảnh y học	3	2	1
13	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
14	Thực tập lâm sàng I	5	0	5
15	Thực tập lâm sàng II	5	0	5
16	Thực tập lâm sàng II	5	0	5
	<b>Tổng</b>	<b>50</b>	<b>27</b>	<b>23</b>

## 8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

### HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	7	1
2	Tiếng Anh I	4	3	1
3	Tiếng Nhật I	3	1	2
4	Tiếng Nhật II	4	1	3
5	<b>Giải phẫu học</b>			
	Giải phẫu học	2	2	0
	Thực tập giải phẫu học	2	0	2
6	<b>Sinh lý học</b>		0	0
	Sinh lý học	2	2	0
	Thực tập sinh lý học	1	0	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ nhất</b> (Chưa kể học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh)		<b>18</b>	<b>9</b>	<b>9</b>

**HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ NHẤT)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tin học	2	1	1
2	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
3	Tiếng Nhật III	3	2	1
4	Tiếng Nhật IV	4	2	2
5	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
8	Bệnh lý học	2	2	0
9	Vi sinh vật	2	2	0
10	<b>Bệnh và điều trị I</b>			
	Bệnh và điều trị I	2	2	0
	Bệnh và điều trị II	1	1	0
11	<b>Bệnh và điều trị II</b>			
	Bệnh và điều trị III	2	2	0
	Bệnh và điều trị IV	1	1	0
12	<b>Kỹ thuật điện, điện tử y học</b>			
	Kỹ thuật điện, điện tử y học	2	2	0
	Thí nghiệm kỹ thuật điện, điện tử y học	1	0	1
13	<b>Khoa học và kỹ thuật y học</b>			
	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
	Vật lý y tế	1	1	0
14	Toán học ứng dụng	1	1	0
15	Giải phẫu chức năng	2	1	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ nhất</b>		<b>36</b>	<b>30</b>	<b>6</b>

**HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần</b>			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
2	Tiếng Anh II	2	1	1
3	Tiếng Anh A	1	1	0
4	Tiếng Nhật V	2	0	2
5	Tiếng Nhật VI	2	0	2
6	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
7	<b>Đo lường bức xạ</b>		0	0
	Đo lường bức xạ I	1	1	0
	Đo lường bức xạ II	1	1	0
	Thí nghiệm đo lường bức xạ	1	0	1
8	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
9	<b>Khoa học và kỹ thuật bức xạ</b>			
	Vật lý bức xạ	2	2	0
	Hóa học bức xạ	1	1	0
	Sinh học bức xạ	1	1	0
10	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
11	Thiết bị kỹ thuật trong chụp ảnh bức xạ	2	2	0
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ hai</b>		<b>24</b>	<b>18</b>	<b>6</b>

**HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ HAI)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Tiếng Anh III	2	2	0
3	Tiếng Anh B	1	1	0
4	Giáo dục thể chất I	2	1	1
5	Tiếng Nhật VII	3	0	3
6	Điều dưỡng học	1	1	0
7	<b>Chẩn đoán hình ảnh bức xạ</b>			
	Chẩn đoán hình ảnh bức xạ	2	2	0
	Chẩn đoán hình ảnh cản quang bức xạ	2	2	0
	Chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp kỹ thuật số	2	2	0
8	Luật pháp và quy định liên quan	1	1	0
9	<b>Quản lý an toàn bức xạ</b>			
	Quản lý an toàn bức xạ	1	1	0
	Thực hành quản lý an toàn bức xạ	1	0	1
	Thí nghiệm quản lý an toàn bức xạ	1	0	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ hai</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục thể chất)</i>		<b>19</b>	<b>14</b>	<b>5</b>

**HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Giáo dục thể chất II	1	0	1
2	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
3	<b>Thí nghiệm kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh</b>		0	0
	Thí nghiệm kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	2	0	2
	Thực hành kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	3	0	3
4	<b>Kỹ thuật xét nghiệm trong y học hạt nhân</b>			
	Tổng quan Y học hạt nhân	1	1	0
	Kỹ thuật xét nghiệm y học hạt nhân	3	3	0
	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học hạt nhân	2	0	2
5	<b>Kỹ thuật xạ trị</b>			
	Khái quát xạ trị ung thư	1	1	0
	Kỹ thuật xạ trị	3	3	0
	Thực hành kỹ thuật xạ trị	2	0	2
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ ba</b> <i>(Chưa kể học phần Giáo dục thể chất)</i>		<b>19</b>	<b>10</b>	<b>9</b>

**HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ BA)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Chăm sóc sức khỏe y tế phúc lợi xã hội</b>			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
2	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
3	<b>Thực hành khoa học bức xạ</b>		0	0
	Thực hành khoa học bức xạ I	1	0	1
	Thực hành khoa học bức xạ II	1	0	1
4	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
5	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>			
	Chẩn đoán hình ảnh I	1	1	0
	Chẩn đoán hình ảnh II	1	1	0
6	<b>Thông tin hình ảnh y học</b>		0	0
	Đại cương thông tin hình ảnh y học	2	1	1
	Tạo hình ảnh y học	1	1	0
7	Phân tích hình ảnh y học	3	2	1
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ ba</b>		<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>

**HỌC KỲ 7 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ TƯ)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
2	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
3	Thực tập lâm sàng I	5	0	5
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ tư</b>		<b>8</b>	<b>3</b>	<b>5</b>

**HỌC KỲ 8 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ TƯ)**

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<b>Đại cương văn minh nhân loại</b>			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
2	Thực tập lâm sàng II	5	0	5
<b>Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ tư</b>		<b>7</b>	<b>2</b>	<b>5</b>

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

**9.1. Đối với các đơn vị đào tạo**

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

### **9.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dung dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **9.3. Kiểm tra, đánh giá**

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

### **9.4. Đối với sinh viên**

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

### **9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 71.100.000 VNĐ/năm**

